

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31/01/2023

*“V/v tranh chấp ly giữa ông H và bà
B”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Diễm
2. Ông Vũ Văn Sâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 255/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn H sinh năm 1963

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị B sinh năm 1964

Cùng nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện P, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt ông H; vắng mặt bà B – có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/10/2022, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đoàn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đoàn Thị B tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T vào năm 1983 nhưng do thời gian đã lâu ông đã làm thất lạc giấy đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình ông. Quá trình chung sống đến năm 2018

thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 01/2022, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà B không còn, ông xin ly hôn bà B.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Đoàn Thị H1 sinh năm 1984 (đã chết), Đoàn Văn H2 sinh ngày 12/8/1986 (chết ngày 22/11/2018); Đoàn Thị H3 sinh ngày 14/10/1989 và Đoàn Thị H4 sinh ngày 12/02/1996. Ly hôn, con H3 và con H4 đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn bà Đoàn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xác nhận thời gian, điều kiện hoàn cảnh kết hôn thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng ly thân như ông Đoàn Văn H đã trình bày là đúng. Nay ông H có đơn xin ly hôn, bà nhất trí ly hôn ông H.

Về con chung: Bà xác nhận vợ chồng có 04 con chung như ông Đoàn Văn H đã trình bày là đúng. Ly hôn, con Đoàn Thị H3 sinh ngày 14/10/1989 và Đoàn Thị H4 sinh ngày 12/02/1996 đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh với UBND xã T và cơ sở thôn M thấy: Ông Đoàn Văn H và bà Đoàn Thị B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì chính quyền và cơ sở thôn không biết rõ, chỉ biết hiện tại ông H, bà B đã ly thân. Nay ông H có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông H và bà B có 04 con chung là Đoàn Thị H1 sinh năm 1984 (đã chết), Đoàn Văn H2 sinh ngày 12/8/1986 (chết ngày 22/11/2018); Đoàn Thị H3 sinh ngày 14/10/1989 và Đoàn Thị H4 sinh ngày 12/02/1996. Ly hôn, con H3 và con H4 đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Do thời gian đã lâu nên UBND xã không còn lưu trữ được hồ sơ đăng ký kết hôn của ông H, bà B, cũng không còn lưu trữ hồ sơ khai sinh, khai tử của con Đoàn Thị H1. Về tài sản chung: chính quyền và cơ sở thôn không nắm rõ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không có ý kiến về chấp hành pháp luật tại phiên tòa của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Đoàn Văn H được ly hôn bà Đoàn Thị B

Về con chung: Ông H và bà B có 04 con chung là Đoàn Thị H1 sinh năm 1984 (đã chết), Đoàn Văn H2 sinh ngày 12/8/1986 (chết ngày 22/11/2018); Đoàn Thị H3 sinh ngày 14/10/1989 và Đoàn Thị H4 sinh ngày 12/02/1996. Ly hôn, con H3 và con H4 đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng;

Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Đoàn Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ông Đoàn Văn H khởi kiện ly hôn với bà Đoàn Thị B, do bà B là bị đơn cư trú Thôn M, xã T, huyện P, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện P, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà B có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Văn H và bà Đoàn Thị B là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1983, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 01/2022, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông H xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà B không còn, ông xin ly hôn bà B. Bà B cũng nhất trí ly hôn ông H. Tòa án đã ấn định thời gian H3 giải nh bà B không có mặt, bà B không có thiện chí H3 giải đoàn tụ, ông H đề nghị Tòa án không tiến hành H3 giải, mặt khác thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của ông bà thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho ông H được ly hôn bà B là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Đoàn Văn H và bà Đoàn Thị B có 04 con là Đoàn Thị H1 sinh năm 1984 (đã chết), Đoàn Văn H2 sinh ngày 12/8/1986 (chết ngày 22/11/2018); Đoàn Thị H3 sinh ngày 14/10/1989 và Đoàn Thị H4 sinh ngày 12/02/1996. Ly hôn, con H3 và con H4 đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Ông Đoàn Văn H và bà Đoàn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về tài sản chung Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Ông Đoàn Văn H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn ly hôn sơ thẩm cho ông H phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[6] Về quyền kháng cáo: Ông Đoàn Văn H và bà Đoàn Thị B có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Đoàn Văn H được ly hôn bà Đoàn Thị B.

2. Về con chung: Con chung Đoàn Thị H3 sinh ngày 14/10/1989 và Đoàn Thị H4 sinh ngày 12/02/1996 đều đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Đoàn Văn H. Trả lại ông H số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) ông H đã nộp theo biên lai thu số 0004884 ngày 03 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Đoàn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đoàn Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)